

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 718/2017/HNGĐ-ST

Ngày 11/7/2017.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lượng

Ông Huỳnh Tiến Dũng

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Trang- thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Huệ- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1196/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2016 về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2017/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 128/2017/QĐST-HNGĐ ngày 13/6/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1987 (có mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu vực 1, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Tạm trú: 640/57/2 Nguyễn Văn C, phường G, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn: Luật sư N- thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Lê N, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu vực 1, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Địa chỉ tạm trú hiện nay: 72/15/5 đường số 4, khu phố 6, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà với ông Nguyễn Lê N tự nguyện ký kết hôn năm 2012 đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hòa hợp, đến tháng 6/2014 thì mâu thuẫn phát sinh, ông N hay chửi bới, lăng mạ, xỉ nhục bà và gia đình của bà, ông N còn dùng vũ lực đánh bà T để lại nhiều vết bầm trên cơ thể. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông N ghen tuông vô cớ. Đến ngày 31/8/2014 thì giữa bà và ông N không còn sống chung, không còn thương yêu, không còn tình cảm với ông N. Do đó bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Lê N.

Về con chung: có 01 con chung tên là Nguyễn Nhật M, sinh ngày 18/8/2012. Hiện tại đang ở với ông N. Bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay bà T có công ăn việc làm ổn định, công việc là tiếp viên hàng không sân bay Nội Bài, mức lương thu nhập 40.000.000đồng/ tháng và có nhà ở hợp pháp tại căn hộ chung cư số 04, vị trí số R04, tầng 14, Lô NO10 phường Giang Biên, quận L, Hà Nội. Bà xác định đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Bị đơn ông Nguyễn Lê N đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến tòa nhưng không đến Tòa án để cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp:

1. Giấy đăng ký kết hôn;
2. Chứng minh nhân dân của bà T;
3. Giấy khai sinh;
4. Bảng sao kê mức lương;
5. Giấy tờ về căn hộ chung cư.

Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập gồm:

1. Công văn xác minh về trình trạng hôn nhân của Ủy ban nhân dân phường H ngày 28/3/2017
2. Phiếu yêu cầu xác minh ngày 06/02/2017;
3. Đơn xin xác nhận tạm trú có xác nhận của công an phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 10/4/2017.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn trình bày thống nhất với các yêu cầu của bà Đỗ Thị T, đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cho bà T được trực tiếp nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do tòa án thu thập thì giữa bà T và ông N phát sinh mâu thuẫn, đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn cư trú tại quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Nguyễn Lê N đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa những vắng mặt tại Tòa án không có lý do. Do vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt.

Về yêu cầu của nguyên đơn:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Lê N và bà Đỗ Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 268/2012, quyển số 02 ngày 12/9/2012, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Đỗ Thị T với ông Nguyễn Lê N, Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù ông Nguyễn Lê N đã được tổng đạt hợp thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của tòa án nhưng ông Nguyễn Lê N vẫn không đến Tòa để cung cấp tài liệu chứng cứ bản bác lại yêu cầu của nguyên đơn, không thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập như đã liệt kê nêu trên, Hội đồng có cơ sở xác định giữa bà Đỗ Thị T và ông Nguyễn Lê N phát sinh nhiều mâu thuẫn trong quá trình chung sống, ông N có hành vi bạo lực gia đình làm cho hôn nhân giữa bà T và ông N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà Đỗ Thị T là có cơ sở, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: có 01 con chung tên là Nguyễn Nhật M, sinh ngày 18/8/2012.

Xét thấy, Bà T có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt cho ông N các văn bản tố tụng nhưng ông N không có ý kiến gì, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì để phản bác lại yêu cầu của nguyên đơn. Phía bà Đỗ Thị T đã cung cấp cho Tòa án bảng lương với mức lương hiện nay của bà T là 40.000.000 đồng/tháng và có nhà ở hợp pháp tại căn hộ chung cư 04, vị trí số R04, tầng 14, Lô NO10 phường G, quận L, Hà Nội. Do đó, Bà Đỗ Thị T có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Đỗ Thị T không có yêu cầu ông N cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Vì lợi ích con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu tòa giải quyết, còn ông N vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: Bà T xác định không nợ, còn ông N vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm ngàn đồng), bà Đỗ Thị T phải chịu theo quy định tại Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án.

Xét lời trình bày của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố H và lời trình bày của người bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Pháp lệnh án phí Tòa án, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Lê N.

2. Về con chung: Giao cho Đỗ Thị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Nguyễn Nhật M, sinh ngày 18/8/2012. Buộc ông Nguyễn Lê N có trách nhiệm giao con tên là Nguyễn Nhật M, sinh ngày 18/8/2012 cho bà Đỗ Thị T.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đỗ Thị T không yêu cầu ông Nguyễn Lê N cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Vì lợi ích con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm ngàn đồng), bà Đỗ Thị T phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) do bà T nộp theo biên lai thu số 0014433 ngày 05/12/2016 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà Đỗ Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Lê N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Thắng

